

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ H
TỈNH HÀ GIANG**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 17/2019/HNGĐ-ST

Ngày 19- 11-2019

V/v: Ly hôn, nuôi con chung.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TOÀ ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HÀ GIANG, TỈNH HÀ GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Bà Lê Thị Thanh Bình

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Đức Ngọc

2. Bà Đặng Thị Minh Phượng

- Thư ký phiên toà: Ông Đinh Hoàng Trung - Thư ký Toà án nhân dân thành phố Hà Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Hà Giang, tỉnh Hà Giang tham gia phiên toà: Bà Nguyễn Thị Hồng Hạnh - Kiểm sát viên.

Trong ngày 19 tháng 11 năm 2019, tại trụ sở Toà án nhân dân thành phố Hà Giang, tỉnh Hà Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 198/2019/TLST-HNGĐ ngày 05 tháng 9 năm 2019, về việc Ly hôn, nuôi con chung, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 24/2019/QĐST-HNGĐ ngày 29 tháng 10 năm 2019 giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Chị Nguyễn Ngọc B; địa chỉ: Thôn Bản L, xã Y, huyện B, tỉnh Hà Giang.

2. *Bị đơn:* Anh Nguyễn Thanh S; Địa chỉ: Tổ 16, phường T, thành phố H, tỉnh Hà Giang

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn xin ly hôn ngày 20/8/2019; bản tự khai ngày 05/9/2019 và quá trình giải quyết, nguyên đơn chị B khai: Chị và anh S đăng ký kết hôn ngày 19/3/2009, tại UBND phường T, thành phố H, tỉnh Hà Giang do tự nguyện. Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống hạnh phúc, đến năm 2011 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân do khi chị sinh con nhỏ không phụ giúp được việc gia đình, làm cho anh S khó chịu, nhiều lần xúc phạm đến danh dự của chị, có lần anh S đánh và đuổi chị ra khỏi. Năm 2013 anh S đã tát chị làm cho bị thủng màng nhĩ tai phải đi phẫu thuật, trong cuộc sống hàng ngày anh S hay dùng hành vi bạo lực với chị, đến tháng 9/2019 anh S lại tiếp tục đánh chị phải vào viện điều trị. Do trong cuộc sống vợ chồng không còn tình cảm nên chị xin được ly hôn với anh S.

Về con chung: Chị và anh S có một con chung là cháu Nguyễn Thanh T, sinh ngày 23/3/2011. Ly hôn chị có nguyện vọng được nuôi con và yêu cầu anh S cấp dưỡng nuôi con theo mức 3.000.000đ/1 tháng.

Về tài sản chung, công nợ chung: Không yêu cầu giải quyết.

- Tại bản tự khai ngày 02/10/2019 anh S khai: Anh S xác nhận vợ chồng anh chị kết hôn vào năm 2009, và mâu thuẫn vợ chồng phát sinh kể từ khi chị B sinh con, thay đổi tính nết. Từ đó vợ chồng hay cãi chửi nhau, mâu thuẫn vợ chồng ngày càng căng thẳng, anh chị đã cố gắng cải thiện bản thân để giữ gìn hạnh phúc nhưng không có kết quả. Anh S xác nhận vợ chồng chung sống nhưng không hợp, anh không có niềm tin đối với chị B, nên vợ chồng hay xô sát làm mất danh dự của nhau. Vì vậy, anh đồng ý ly hôn chị B.

Về con chung: Anh S xác nhận anh chị có một con chung là cháu Nguyễn Thanh T, sinh ngày 23/3/2011. Ly hôn anh đồng ý để cho chị B nuôi con và anh đồng ý cấp dưỡng nuôi con theo mức 3.000.000đ/1 tháng như yêu cầu của chị B.

Tài sản chung, công nợ chung: Không yêu cầu giải quyết

Quá giải quyết vụ án anh S có đơn đề nghị Tòa án giải quyết, xét xử vụ án vắng mặt anh theo quy định của pháp luật.

* Tại phiên tòa:

- Chị B giữ nguyên quan điểm của mình về việc xin ly hôn, nuôi con chung; tài sản chung, công nợ chung: Không yêu cầu giải quyết

* Quan điểm của Đại diện VKS thành phố Hà Giang:

- Việc tuân theo pháp luật của thẩm phán: Thẩm phán đã chấp hành đúng quy định tại Điều 48 Bộ luật tố tụng dân sự trong quá trình giải quyết vụ án. Xác minh thu thập chứng cứ đầy đủ, thông báo cho Viện Kiểm sát về việc Tòa án tiến hành thu thập chứng cứ, thời hạn chuẩn bị xét xử, ban hành quyết định đưa vụ án ra xét xử và chuyển hồ sơ cho Viện Kiểm sát nghiên cứu đúng thời hạn, cấp tổng đạt văn bản tố tụng đúng quy định.

- Việc tuân theo pháp luật của Hội đồng xét xử: Tại phiên tòa HĐXX, thư ký phiên tòa thực hiện đúng pháp luật, thủ tục bắt đầu phiên tòa được Thẩm phán thực hiện đúng quy định tại Điều 239 BLTTDS.

- Việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng: Nguyên đơn, thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ tố tụng, các tài liệu do đương sự cung cấp phù hợp với quy định của pháp luật. Nguyên đơn, bị đơn chấp hành đúng quy định tại Điều 70, Điều 71, 72 BLTTDS.

- Về việc giải quyết vụ án: Xét thấy chị B và anh S đã mâu thuẫn trầm trọng, tình cảm vợ chồng không còn, chị B có đơn xin ly hôn, anh Sơn nhất trí. Do đó, căn cứ Điều 51, Điều 56, 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và Gia đình, cho chị B được ly hôn với anh S.

- Về con chung: Giao cháu Nguyễn Thanh T, sinh ngày 23/3/2011 cho chị B nuôi dưỡng là phù hợp với nguyện vọng cháu T và ý kiến của anh S. Anh S cấp dưỡng nuôi cháu T theo mức 3.000.000đ/1 tháng cho đến khi cháu T đủ 18 tuổi.

- Tài sản chung, công nợ chung: Không yêu cầu giải quyết.

- Về án phí: Căn cứ vào khoản 4 Điều 147 BLTTDS, điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết về án phí lệ phí Tòa án chị Bích chịu án phí ly hôn, anh Sơn phải chịu án phí cấp dưỡng theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1]. Về thủ tục tố tụng: Chị Nguyễn Ngọc B; địa chỉ: Thôn Bản L, xã Yên Đ, huyện B, tỉnh Hà Giang xin ly hôn anh Nguyễn Thanh S; Địa chỉ: Tổ 16, phường T, thành phố H, tỉnh Hà Giang. Theo quy định tại Điều 28, Điều 35, Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố H, tỉnh Hà Giang.

- Anh Nguyễn Thanh S trong quá trình giải quyết vụ án không đến Tòa án để tham gia tố tụng và có đơn đề nghị Tòa án xét xử vụ án vắng mặt. Do đó, thuộc trường hợp vụ án dân sự không tiến hành hòa giải được theo quy định tại Điều 207- BLTTDS. Căn cứ khoản 1 Điều 227 - BLTTDS Tòa án xét xử vắng mặt bị đơn.

[2]. Về xác định quan hệ tranh chấp trong vụ án:

Đây là vụ án xin ly hôn các đương sự yêu cầu giải quyết về quan hệ hôn nhân, nuôi con chung. Như vậy, đủ căn cứ xác định quan hệ tranh chấp là Ly hôn, nuôi con chung được quy định tại khoản 1 Điều 28 BLTTDS và điều 51, 56, 81, 82, 83 Luật HN và GD.

[3]. Về nội dung vụ án:

[3.1]. Về yêu cầu xin ly hôn: Chị B và anh S đăng ký kết hôn ngày 19/3/2009, tại UBND phường Trần Phú, thành phố H do tự nguyện. Như vậy, hôn nhân giữa chị B và anh S là hợp pháp.

Lý do chị B xin ly hôn là sau khi kết hôn cuộc sống chung của vợ chồng không hạnh phúc, đã xảy ra mâu thuẫn, nguyên nhân do tính tình không hợp. Hai vợ chồng hay cãi chửi nhau, anh S thường xuyên có hành vi bạo lực, xâm phạm đến sức khỏe và danh dự của chị. Do không còn tình cảm, nên chị xin được ly hôn với anh S. HĐXX xét thấy, yêu cầu xin ly hôn của chị B là phù hợp bởi lẽ: Quá trình chung sống chị B và anh S không hạnh phúc, thường xuyên xảy ra mâu thuẫn, không khắc phục được tình cảm. Bản thân anh S cũng thừa nhận anh chị chung sống không hạnh phúc, hay bất đồng quan điểm, không có sự tin tưởng tôn

trọng lẫn nhau. Theo quy định tại Điều 19- Luật Hôn nhân và Gia đình có quy định “Vợ chồng có nghĩa vụ thương yêu, chung thủy, tôn trọng, quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ nhau; cùng nhau chia sẻ, thực hiện các công việc trong gia đình...”, nhưng giữa hai anh chị không có sự quan tâm, chia sẻ chăm sóc giúp đỡ lẫn nhau, vi phạm nghiêm trọng quyền và nghĩa vụ của vợ chồng làm cho hôn nhân lâm vào tình trạng trầm trọng. Theo biên bản xác minh ngày 28; 29/10/2019; đã xác định được cuộc hôn nhân của anh chị đã mâu thuẫn. Nếu cứ tiếp tục duy trì quan hệ hôn nhân thì cuộc sống của anh chị cũng không có hạnh phúc, mục đích cuộc hôn nhân không đạt được. Anh S cũng không thiện chí để khắc phục mâu thuẫn, không tham gia hòa giải và đồng ý ly hôn. Do đó, yêu cầu xin ly hôn của chị B là phù hợp với quy định tại điều 56 - Luật HN&GD. Vì vậy, cần chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị B đối với anh S.

[3.2]. Về con chung: Chị B và anh S có một con chung là cháu Nguyễn Thanh T sinh ngày 23/3/2011. Ly hôn chị B xin được trực tiếp nuôi cháu T, yêu cầu anh S cấp dưỡng nuôi con chung theo mức 3.000.000 đ/1 tháng. Xét thấy, hiện nay cháu T đang ở với chị B, nguyện vọng của cháu cũng muốn được ở với mẹ, chị B là giáo viên có thu nhập ổn định, đủ điều kiện nuôi con, anh S cũng nhất trí để cho chị B là người trực tiếp nuôi dưỡng cháu T. Do vậy, cần giao chị B nuôi một con là phù hợp với điều kiện thực tế và đúng quy định của pháp luật. Anh S tự nguyện cấp dưỡng nuôi con chung theo mức 3.000.000đ/1 tháng.

[3.3]. Về tài sản chung, công nợ chung: Không yêu cầu giải quyết.

[3.4]. Về án phí: Căn cứ vào khoản 4 Điều 147 BLTTDS, điểm a khoản 5, điểm a khoản 6 Điều 27 Nghị quyết về án phí lệ phí Tòa án, chị B phải chịu án phí ly hôn, anh S phải chịu án phí cấp dưỡng theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên.

QUYẾT ĐỊNH

- Áp dụng điều 51, Điều 56, 81, 82, 83 Luật Hôn nhân gia đình;
- Căn cứ vào Điều 207, khoản 1 Điều 227; khoản 4 Điều 147 BLTTDS, điểm a khoản 5, điểm a khoản 6 Điều 27 Nghị quyết về án phí lệ phí Tòa án.

1. Về quan hệ hôn nhân: Xử cho chị Nguyễn Ngọc B được ly hôn anh Nguyễn Thanh S.

2. Về con chung: Giao cho chị Nguyễn Ngọc B trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục cháu Nguyễn Thanh T, sinh ngày 23/3/2011 cho đến khi cháu T đủ 18 tuổi. Anh S cấp dưỡng nuôi con chung theo mức 3.000.000đ/1 tháng, thời gian cấp dưỡng tính từ ngày 19/11/2019 cho đến khi cháu T đủ 18 tuổi, chị B là người trực tiếp nhận tiền cấp dưỡng. Anh S có quyền nghĩa vụ chăm sóc con chung.

Việc nuôi con và cấp dưỡng nuôi con chung là không cố định.

Kể từ ngày bản án, quyết định có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357 Bộ luật Dân sự năm 2015, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

3. Tài sản chung, công nợ chung: Không có.

4. Về Án phí: Chị B chịu toàn bộ án phí sơ thẩm ly hôn là 300.000đ được khấu trừ vào số tiền 300.000đ tạm ứng án phí đã nộp tại Chi cục Thi hành án dân sự thành phố H, tỉnh Hà Giang biên lai số 01345 ngày 05 tháng 9 năm 2019. Anh S phải chịu 300.000đ án phí cấp dưỡng nuôi con chung.

Án xử công khai sơ thẩm báo cho chị B biết có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, anh S có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- VKSND thành phố H.

toà

- Các đương sự.
- CC THADS TP.
- UBND P. Trần P.
- Lưu HS.
- Lưu bộ phận

**T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên**

Lê Thị Thanh Bình